

Thời gian : 13h00 - 19/10/2008

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUA TRÌNH & KTHP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E				
				5%	5%		5%	15%	15%	10%		45%	SỐ	CHỮ		
1	K09.405.9319	Nguyễn Quốc Văn	23KT1	8	5		7	5	5	5		6	6	Sáu		
2	K09.404.9021	Vũ Thị Hậu	23KT8	6	6		6	7	7	7		5	6	Sáu		
3	K10.405.9282	Nguyễn Thị Thu	24KD1	8	8		7	8	8	8		8	8	Tám		
4	K10.405.6800	Phạm Xuân Anh	24KD2	6	5		7	5	5	5		7	6	Sáu		
5	K10.405.0700	Đình Hoàng Giang	24KD3	7	7		7	8	8	8		5	7	Bảy		
6	K10.404.4112	Lê Ngọc Cảnh	24KK8	7	7		7	8	7	7		5	6	Sáu		
7	K10.405.0762	Nguyễn Thị Lựu	K11KDN4	6	6		6	7	7	7		7	7	Bảy		
8	K11.455.1069	Dương Thị Hoàng Anh	K11KKT1	10	9		10	9	9	9		10	10	Mười		
9	K11.455.1076	Huỳnh Thy Ngọc Bích	K11KKT1	10	10		9	9	8	8		9	9	Chín		
10	K11.455.1079	Lê Thị Thu Diệp	K11KKT1	10	9		10	9	8	8		8	8	Tám		
11	K11.455.1084	Nguyễn Thị Dung	K11KKT1	8	9		9	9	8	8		8	8	Tám		
12	K11.455.1089	Phan Thị Thu Hà	K11KKT1	9	8		9	8	9	8		8	8	Tám		
13	K11.455.1094	Đậu Thị Hiền	K11KKT1	10	10		10	10	8	9		9	9	Chín		
14	K11.455.1097	Đoàn Thị Thu Hiền	K11KKT1	10	10		9	10	10	9		10	10	Mười		
15	K11.455.1105	Phan Thị Mỹ Hoàng	K11KKT1	10	9		9	9	8	9		9	9	Chín		
16	K11.455.1110	Võ Thị Hoa Huệ	K11KKT1	8	10		9	10	8	9		9	9	Chín		
17	K11.455.1120	Phạm Thị Hương	K11KKT1	10	10		9	10	8	9		9	9	Chín		
18	K11.455.1124	Đình Quốc Khánh	K11KKT1	9	9		9	8	8	8		9	9	Chín		
19	K11.455.1127	Hồ Thị Lan	K11KKT1	9	8		9	8	8	8		7	8	Tám		
20	K11.455.1137	Nguyễn Hồng Linh	K11KKT1	10	9		8	9	10	9		10	10	Mười		
21	K11.455.1138	Phan Thị Hồng Loan	K11KKT1	0	0		0	0	0	0	P	P	Nợ HP			
22	K11.455.1147	Nguyễn Văn Mão	K11KKT1	8	8		8	7	9	8		10	9	Chín		
23	K11.455.1166	Nguyễn Thị Nhân	K11KKT1	10	8		8	8	8	8		9	9	Chín		
24	K11.455.1170	Phan Thị Tuyết Nhung	K11KKT1	8	8		8	8	10	9		8	8	Tám		
25	K11.455.1175	Nguyễn Thị Phát	K11KKT1	10	9		9	8	8	8		7	8	Tám		
26	K11.455.1177	Hồ Thị Phương	K11KKT1	9	8		8	6	7	7		8	8	Tám		
27	K11.455.1180	Phạm Hồng Thanh Phương	K11KKT1	9	8		8	9	9	9		9	9	Chín		
28	K11.455.1181	Trần Lê Phương	K11KKT1	8	8		8	9	8	8		8	8	Tám		
29	K11.455.1182	Trương Thị Hoài Phương	K11KKT1	9	10		10	10	9	9		10	10	Mười		
30	K11.455.1187	Nguyễn Thị Thuý Phương	K11KKT1	9	8		8	9	7	8		8	8	Tám		
31	K11.455.1192	Đào Thị Quỳnh	K11KKT1	8	8		8	9	8	8		8	8	Tám		
32	K11.455.1194	Lê Thị Nga Sâm	K11KKT1	9	8		8	9	8	8		9	9	Chín		
33	K11.455.1196	Trần Duy Thanh	K11KKT1	9	10		8	7	7	7		9	8	Tám		
34	K11.455.1197	Vũ Đức Thành	K11KKT1	7	8		8	9	6	8		10	9	Chín		

Đà Nẵng, ngày 22/10/2008
PHÒNG ĐÀO TẠO

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRƯỞNG KHOA

Thời gian : 13h00 - 19/10/2008

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUA TRÌNH & KTHP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E				
				5%	5%		5%	15%	15%	10%		45%	SỐ	CHỮ		
35	K11.455.1201	Đỗ Thị Thu	K11KKT1	9	9		9	9	8	8		7	8	Tám		
36	K11.455.1207	Ngô Văn Thắng	K11KKT1	10	9		9	8	9	8		9	9	Chín		
37	K11.455.1208	Nguyễn Thị Mỹ Thơ	K11KKT1	9	8		8	8	9	8		9	9	Chín		
38	K11.455.1209	Nguyễn Thị Thư	K11KKT1	9	8		9	9	8	8		8	8	Tám		
39	K11.455.1213	Nguyễn Xuân Toàn	K11KKT1	5	8		8	7	8	8		7	7	Bảy		
40	K11.455.1217	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	K11KKT1	9	8		9	7	8	8		6	7	Bảy		
41	K11.455.1226	Phạm Trịnh Thanh Tuyền	K11KKT1	10	10		9	10	9	9		10	10	Mười		
42	K11.455.1227	Nguyễn Trọng Tuấn	K11KKT1	7	8		7	9	9	9		6	7	Bảy		
43	K11.455.1228	Tổng Văn Tuấn	K11KKT1	7	8		8	7	9	8		6	7	Bảy		
44	K11.455.1233	Nguyễn Thị Hồng Tươi	K11KKT1	10	10		9	9	8	8		9	9	Chín		
45	K11.455.1238	Trần Thị Tường Vy	K11KKT1	9	8		10	7	7	8		7	7	Bảy		
46	K11.455.1241	Nguyễn Đình Văn	K11KKT1	7	8		7	8	8	8		5	7	Bảy		
47	K11.455.1330	Bùi Thị Bích Ngọc	K11KKT1	9	9		8	8	0	8		0	3	Ba		
48	K11.455.1354	Phùng Đăng Sanh	K11KKT1	7	8		8	8	7	8		9	8	Tám		
49	K11.455.1373	Nguyễn Thị Thạo	K11KKT1	10	10		9	8	8	8		6	7	Bảy		
50	K11.455.1425	Trương Thị Tường Vy	K11KKT1	9	8		9	8	7	8		7	8	Tám		
51	K11.455.1821	Trần Thị Thu Duyên	K11KKT1	10	10		8	9	10	9		9	9	Chín		
52	K10.455.0493	Phạm Công Bảo	K11KKT2	6	7		7	7	6	7		4	5	Năm		
53	K10.455.0598	Hà Văn Phúc	K11KKT2	5	8		8	7	9	8		7	7	Bảy		
54	K10.455.0618	Bùi Thị Thu Thảo	K11KKT2	10	8		10	7	8	8		5	7	Bảy		
55	K10.455.9161	Võ Trần Vương	K11KKT2	7	7		7	7	8	7		3	5	Năm		
56	K11.455.1070	Hoàng Anh	K11KKT2	9	8		5	7	8	8		6	7	Bảy		
57	K11.455.1072	Trần Thị Vân Anh	K11KKT2	7	8		8	8	9	8		0	5	Năm		
58	K11.455.1073	Lê Thị Vân Anh	K11KKT2	7	8		9	8	9	8		0	5	Năm		
59	K11.455.1075	Vũ Đức Anh	K11KKT2	7	8		7	9	8	8		5	7	Bảy		
60	K11.455.1077	Nguyễn Văn Chánh	K11KKT2	10	10		9	8	8	8		8	8	Tám		
61	K11.455.1081	Hoàng Thị Dung	K11KKT2	10	10		9	8	9	8		8	8	Tám		
62	K11.455.1082	Hoàng Thị Hà Dung	K11KKT2	9	10		9	8	8	8		10	9	Chín		
63	K11.455.1086	Nguyễn Trần Duy	K11KKT2	8	8		7	7	8	7		8	8	Tám		
64	K11.455.1087	Nguyễn Anh Dũng	K11KKT2	10	10		9	8	9	8		8	8	Tám		
65	K11.455.1088	Nguyễn Lê Hà	K11KKT2	10	9		9	9	10	9		10	10	Mười		
66	K11.455.1090	Đặng Văn Hà	K11KKT2	10	9		8	10	8	9		9	9	Chín		
67	K11.455.1091	Nguyễn Thị Ngân Hà	K11KKT2	10	9		9	8	9	9		9	9	Chín		
68	K11.455.1096	Nguyễn Thị Thanh Hiền	K11KKT2	10	9		7	7	7	7		9	8	Tám		

Đà Nẵng, ngày 22/10/2008
PHÒNG ĐÀO TẠO

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRƯỞNG KHOA

Thời gian : 13h00 - 19/10/2008

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUA TRÌNH & KTHP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E				
				5%	5%		5%	15%	15%	10%		45%	SỐ	CHỮ		
69	K11.455.1101	Nguyễn Thị Minh	Hoà	K11KKT2	9	9		9	8	7	8		6	7	Bảy	
70	K11.455.1106	Nguyễn Quốc	Huy	K11KKT2	7	9		9	6	9	8		0	4	Bốn	
71	K11.455.1113	Phạm Thị	Hồng	K11KKT2	10	9		10	7	7	7		8	8	Tám	
72	K11.455.1117	Nguyễn Việt	Hằng	K11KKT2	10	9		9	8	10	9		10	10	Mười	
73	K11.455.1126	Đỗ Thị Thuý	Kiều	K11KKT2	10	9		10	9	6	8		9	9	Chín	
74	K11.455.1131	Lương Thị	Lì	K11KKT2	10	9		9	9	9	9		9	9	Chín	
75	K11.455.1140	Hoàng Phước	Long	K11KKT2	10	9		9	7	9	8		9	9	Chín	
76	K11.455.1144	Nguyễn Thị Hồng	Lơ	K11KKT2	10	10		10	9	9	9		8	9	Chín	
77	K11.455.1145	Nguyễn Tấn	Lợi	K11KKT2	9	8		8	7	8	8		0	4	Bốn	
78	K11.455.1146	Đinh Thị	Mai	K11KKT2	10	9		9	9	8	9		8	8	Tám	
79	K11.455.1167	Võ Thị	Nhi	K11KKT2	9	9		8	9	9	9		8	9	Chín	
80	K11.455.1173	Lương Thị	Oanh	K11KKT2	10	9		6	8	9	9		8	8	Tám	
81	K11.455.1176	Hoàng Văn	Phi	K11KKT2	8	8		9	7	8	8		5	7	Bảy	
82	K11.455.1178	Lê Thị Mai	Phuong	K11KKT2	10	9		9	10	8	9		9	9	Chín	
83	K11.455.1206	Hoàng Thị Thu	Thuý	K11KKT2	10	9		10	9	8	9		9	9	Chín	
84	K11.455.1210	Hà Thị Hoài	Thương	K11KKT2	9	9		9	7	9	8		9	9	Chín	
85	K11.455.1214	Đỗ Thị	Toán	K11KKT2	10	9		8	8	10	9		9	9	Chín	
86	K11.455.1223	Huỳnh Thị Huyền	Trâm	K11KKT2	10	9		9	8	9	9		8	8	Tám	
87	K11.455.1231	Hồ Trương Công	Tâm	K11KKT2	5	8		7	8	8	8		6	7	Bảy	
88	K11.455.1235	Hà	Việt	K11KKT2	7	8		8	7	8	8		4	6	Sáu	
89	K11.455.1237	Phạm Thị	Việt	K11KKT2	10	9		6	7	9	8		8	8	Tám	
90	K11.455.1240	Phan Thị Mỹ	Vân	K11KKT2	10	9		8	9	9	9		9	9	Chín	
91	K11.455.1244	Nguyễn Thành	Đông	K11KKT2	6	8		7	6	10	8		9	8	Tám	
92	K11.455.1315	Trần Thị Mai	Ly	K11KKT2	8	8		8	8	7	8		8	8	Tám	
93	K11.455.1371	Nguyễn Thị Hương	Thảo	K11KKT2	10	10		8	10	10	9		9	9	Chín	
94	K11.455.1391	Lê Nữ Hoàng	Trang	K11KKT2	10	9		9	8	10	9		9	9	Chín	
95	K11.455.1092	Vũ Thị	Hải	K11KKT3	10	9		9	9	9	8		8	9	Chín	
96	K11.455.1095	Lê Thị Thanh	Hiền	K11KKT3	10	9		7	8	10	8		10	9	Chín	
97	K11.455.1098	Triệu Thị Ngọc	Hiền	K11KKT3	8	9		8	9	10	9		10	10	Mười	
98	K11.455.1099	Hoàng Thị Kim	Hoa	K11KKT3	8	9		10	9	10	8		9	9	Chín	
99	K11.455.1107	Lê Thị Diệu	Huyền	K11KKT3	10	9		10	10	9	9		9	9	Chín	
100	K11.455.1114	Phạm Thị Thanh	Hồng	K11KKT3	10	9		9	9	9	9		8	9	Chín	
101	K11.455.1123	Vũ Nguyệt	Khánh	K11KKT3	10	9		10	9	9	8		10	9	Chín	
102	K11.455.1129	Nguyễn Thị Diệu	Lan	K11KKT3	10	9		9	9	10	8		9	9	Chín	

Đà Nẵng, ngày 22/10/2008
PHÒNG ĐÀO TẠO

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRƯỞNG KHOA

Thời gian : 13h00 - 19/10/2008

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUA TRÌNH & KTHP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E				
				5%	5%		5%	15%	15%	10%		45%	SỐ	CHỮ		
103	K11.455.1133	Lữ Thị Khánh	Linh	K11KKT3	10	9		9	9	9	8		8	9	Chín	
104	K11.455.1135	Nguyễn Thị Diệu	Linh	K11KKT3	10	9		9	9	8	9		10	9	Chín	
105	K11.455.1136	Hồ Thị Bích	Liên	K11KKT3	10	9		9	10	9	9		8	9	Chín	
106	K11.455.1139	Phạm Thị Kim	Loan	K11KKT3	10	9		8	8	9	10		9	9	Chín	
107	K11.455.1141	Nguyễn Thanh	Luật	K11KKT3	10	7		10	10	8	8		10	9	Chín	
108	K11.455.1143	Trần Thị	Lệ	K11KKT3	9	9		9	9	9	10		8	9	Chín	
109	K11.455.1149	Hoàng Trường	Minh	K11KKT3	10	9		9	9	9	9		8	9	Chín	
110	K11.455.1153	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K11KKT3	9	10		9	9	7	9		10	9	Chín	
111	K11.455.1155	Lương Thị Ánh	Nga	K11KKT3	9	10		10	10	10	9		8	9	Chín	
112	K11.455.1158	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	K11KKT3	10	9		9	9	8	9		10	9	Chín	
113	K11.455.1164	Hoàng Nữ Tuyết	Ngân	K11KKT3	9	10		9	9	10	9		10	10	Mười	
114	K11.455.1165	Nguyễn Thị	Ngân	K11KKT3	10	9		9	9	9	8		9	9	Chín	
115	K11.455.1168	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	K11KKT3	8	9		7	7	10	7		10	9	Chín	
116	K11.455.1172	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K11KKT3	9	10		8	8	8	7		8	8	Tám	
117	K11.455.1179	Lê Thị Quỳnh	Phương	K11KKT3	9	10		9	9	10	8		9	9	Chín	
118	K11.455.1184	Lý Võ Linh	Phương	K11KKT3	9	10		10	9	10	8		8	9	Chín	
119	K11.455.1186	Đỗ Thị Linh	Phương	K11KKT3	8	8		10	10	10	9		8	9	Chín	
120	K11.455.1188	Đỗ Thị Thuý	Phượng	K11KKT3	10	9		10	10	9	9		9	9	Chín	
121	K11.455.1191	Võ Thị Thuý	Quỳnh	K11KKT3	8	9		9	9	10	8		9	9	Chín	
122	K11.455.1193	Nguyễn Thị Mỹ	Sen	K11KKT3	9	10		9	9	9	9		8	9	Chín	
123	K11.455.1199	Phùng Thị Thu	Thảo	K11KKT3	10	9		10	9	9	8		8	9	Chín	
124	K11.455.1203	Nguyễn Lâm Thanh	Thuý	K11KKT3	10	9		10	9	10	8		9	9	Chín	
125	K11.455.1204	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	K11KKT3	9	10		9	9	9	8		8	9	Chín	
126	K11.455.1211	Trần Ngọc Hoài	Thương	K11KKT3	9	10		10	9	8	8		10	9	Chín	
127	K11.455.1216	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K11KKT3	9	9		8	9	10	9		10	10	Mười	
128	K11.455.1218	Đặng Thị Lan	Trinh	K11KKT3	6	5		7	8	10	8		10	9	Chín	
129	K11.455.1219	Phạm Khánh	Trinh	K11KKT3	5	5		8	8	8	8		8	8	Tám	
130	K11.455.1221	Hồ Minh	Trí	K11KKT3	9	9		9	9	9	8		10	9	Chín	
131	K11.455.1222	Huỳnh Hải	Trúc	K11KKT3	8	7		7	8	9	8		9	9	Chín	
132	K11.455.1224	Tôn Nữ Huyền	Trần	K11KKT3	7	7		7	8	9	8		10	9	Chín	
133	K11.455.1225	Nguyễn Văn	Trường	K11KKT3	7	7		9	9	8	9		V	V	Vắng thi	
134	K11.455.1230	Đỗ Thị Thanh	Tâm	K11KKT3	9	10		10	10	10	9		10	10	Mười	
135	K11.455.1236	Nguyễn Thanh	Việt	K11KKT3	9	9		10	10	9	9		10	10	Mười	
136	K11.455.1242	Đặng Thị Bích	Xuân	K11KKT3	9	10		10	10	10	9		10	10	Mười	

Đà Nẵng, ngày 22/10/2008
PHÒNG ĐÀO TẠO

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRƯỞNG KHOA

Thời gian : 13h00 - 19/10/2008

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUA TRÌNH & KTHP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				5%	5%		5%	15%	15%	10%		45%				
137	K10.455.8563	Nguyễn Khắc Ngọc	K11KKT4	0	0		0	0	0	0		P	P	Nợ HP		
138	K11.455.1067	Nguyễn Thị Thuỳ An	K11KKT4	7	7		7	8	10	8		9	9	Chín		
139	K11.455.1071	Mai Tú Anh	K11KKT4	10	9		8	8	9	8		9	9	Chín		
140	K11.455.1080	Hoàng Dung	K11KKT4	8	7		7	8	7	9		5	7	Bảy		
141	K11.455.1085	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	K11KKT4	8	7		9	8	7	7		10	9	Chín		
142	K11.455.1093	Phạm Thị Ngọc Hạnh	K11KKT4	10	9		9	10	10	10		10	10	Mười		
143	K11.455.1102	Nguyễn Thị Thanh Hoà	K11KKT4	8	9		9	9	7	8		9	9	Chín		
144	K11.455.1104	Đặng Thị Hoài	K11KKT4	10	9		9	9	10	8		9	9	Chín		
145	K11.455.1108	Nguyễn Xuân Diệu Huyền	K11KKT4	9	8		8	9	8	9		8	8	Tám		
146	K11.455.1109	Phan Thị Thanh Huyền	K11KKT4	10	9		8	8	8	8		10	9	Chín		
147	K11.455.1115	Võ Thị Ánh Hồng	K11KKT4	9	10		9	9	9	8		9	9	Chín		
148	K11.455.1118	Trịnh Thị Thanh Hằng	K11KKT4	9	10		8	8	9	8		9	9	Chín		
149	K11.455.1119	Phạm Thị Thu Hằng	K11KKT4	9	9		8	8	10	8		9	9	Chín		
150	K11.455.1121	Văn Thị Diễm Hương	K11KKT4	9	8		8	8	9	8		10	9	Chín		
151	K11.455.1128	Lê Thị Hương Lan	K11KKT4	10	9		7	8	10	8		9	9	Chín		
152	K11.455.1130	Đặng Thị Phương Lan	K11KKT4	9	10		9	10	10	10		10	10	Mười		
153	K11.455.1132	Lê Thị Hoài Linh	K11KKT4	9	9		9	9	10	9		7	8	Tám		
154	K11.455.1134	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	K11KKT4	10	9		9	9	9	9		9	9	Chín		
155	K11.455.1142	Nguyễn Thị Kim Lý	K11KKT4	10	9		9	9	8	9		10	9	Chín		
156	K11.455.1148	Đào Thị Minh	K11KKT4	9	10		9	9	10	9		10	10	Mười		
157	K11.455.1150	Mai Thị Miên	K11KKT4	10	9		8	8	8	8		10	9	Chín		
158	K11.455.1152	Hoàng Thị Nga	K11KKT4	9	10		7	8	8	8		10	9	Chín		
159	K11.455.1154	Lê Thị Bích Nga	K11KKT4	9	9		9	9	8	8		9	9	Chín		
160	K11.455.1157	Lê Thị Bích Ngọc	K11KKT4	10	9		10	10	10	10		10	10	Mười		
161	K11.455.1159	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	K11KKT4	10	9		7	8	8	9		10	9	Chín		
162	K11.455.1160	Hoàng Thị Bình Nguyên	K11KKT4	9	10		8	8	10	8		9	9	Chín		
163	K11.455.1161	Nguyễn Thị Thái Nguyên	K11KKT4	9	10		7	8	9	8		9	9	Chín		
164	K11.455.1163	Đặng Thị Thảo Nguyên	K11KKT4	9	10		10	10	10	9		10	10	Mười		
165	K11.455.1171	Lê Đỗ Huỳnh Như	K11KKT4	10	9		9	9	10	9		10	10	Mười		
166	K11.455.1183	Đoàn Ngọc Phương	K11KKT4	8	7		8	8	8	8		8	8	Tám		
167	K11.455.1189	Lê Thị Hoàng Quyên	K11KKT4	10	9		8	8	10	8		9	9	Chín		
168	K11.455.1190	Lê Thị Hoàng Quyên	K11KKT4	10	9		9	10	9	10		9	9	Chín		
169	K11.455.1198	Nguyễn Thị Thanh Thảo	K11KKT4	9	10		8	8	8	8		9	9	Chín		
170	K11.455.1202	Dương Thị Hoài Thu	K11KKT4	8	8		7	7	10	7		10	9	Chín		

Đà Nẵng, ngày 22/10/2008
PHÒNG ĐÀO TẠO

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA	TRƯỞNG KHOA
DƯƠNG T. Q. KHÁNH	HÀ TRÌNH P. LINH	ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ

NGUYỄN ÂN

Thời gian : 13h00 - 19/10/2008

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUA TRÌNH & KTHP								ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
					C	T	K	V	H	G	CN	N				E
					5%	5%		5%	15%	15%	10%		45%	SỐ		CHỮ
171	K11.455.1205	Vũ Thị	Thuý	K11KKT4	10	9		7	8	9	8		9	9	Chín	
172	K11.455.1212	Nguyễn Thị Hoài	Thương	K11KKT4	10	9		8	8	10	8		10	9	Chín	
173	K11.455.1220	Phan Võ Diệu	Trí	K11KKT4	9	10		8	8	9	8		9	9	Chín	
174	K11.455.1232	Võ Thị Minh	Tâm	K11KKT4	9	10		7	8	9	8		9	9	Chín	
175	K11.455.1239	Nguyễn Thị Y	Vân	K11KKT4	10	9		10	9	7	8		9	9	Chín	
176	K11.455.1374	Phạm Huỳnh Anh	Thi	K11KKT4	7	6		7	7	7	7		9	8	Tám	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Số sinh viên đạt	170	96.59%
2	Số sinh viên nợ	6	3.41%
Tổng cộng :		176	100.00%

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRƯỞNG KHOA

Đà Nẵng, ngày 22/10/2008
PHÒNG ĐÀO TẠO

DƯƠNG T. Q. KHÁNH

HÀ TRÌNH P. LINH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ

NGUYỄN ÂN